

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó Giáo Sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Đại số máy tính

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: VÕ NGỌC THIỆU.

2. Ngày tháng năm sinh: 02/10/1988; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Tịnh Hà, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Thôn Sól Trang, Xã Hnol, Huyện Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa Toán –Thống Kê, Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Số 19, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, TP Hồ Chí Minh.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0362103361;

E-mail: vongocthieu@tdtu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 03/2017 đến nay: Nghiên cứu viên cơ hữu, Khoa Toán – Thống Kê, Trường Đại học Tôn Đức Thắng, TP Hồ Chí Minh.

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ 02/2020 đến nay: Cộng tác viên, FPT Software, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Quận 9, TP Hồ Chí Minh.

Chức vụ: Hiện nay: Nghiên cứu viên cơ hữu; Chức vụ cao nhất đã qua: Nghiên cứu viên cơ hữu.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Toán – Thống Kê, Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

Địa chỉ cơ quan: Số 19, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, TP Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan: 02837755061.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không có.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 27 tháng 06 năm 2011; số văn bằng: A036055; ngành: Sư phạm Toán học, chuyên ngành: Sư phạm Toán học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư Phạm TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 09 tháng 07 năm 2013; số văn bằng: 33UNIVBOR201202733; ngành: Khoa học, Công nghệ, Y tế; chuyên ngành: Toán chuyên sâu; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Bordeaux (University of Bordeaux), Pháp.

- Được cấp bằng TS ngày 05 tháng 12 năm 2016; số văn bằng:; ngành: Toán học; chuyên ngành: Đại số máy tính; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Johannes Kepler (Johannes Kepler University), Áo.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo Sư** tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo Sư** tại HĐGS ngành, liên ngành: Hội đồng ngành Toán học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiệm hình thức của các phương trình vi phân và sai phân đại số (thuộc nhóm ngành Differential and Difference Algebra, MSC: 12Hxx).

- Phương pháp số cho các phương trình vi phân cấp phân số (thuộc nhóm ngành Numerical Analysis, MSC: 65-XX).
- Đại số máy tính và các ứng dụng vào các lĩnh vực khác (thuộc nhóm ngành Symbolic Computation and Algebraic Computation, MSC: 68W30 trên hệ thống MathScinet).
- Toán học cho Học sâu (thuộc nhóm ngành Artificial Neural Networks and Deep Learning, MSC: 68T07).

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) **00** NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) **07** HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng **02** cấp **Cơ sở** (một là Chủ nhiệm đề tài, một là Thành viên);
- Đã công bố (số lượng) **19** bài báo khoa học, trong đó **17** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) **00** bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản **00**, trong đó **00** thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: **00**.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Giải thưởng “*R&D Project of the Year 2020*” cho Đề tài khoa học cấp cơ sở “*Indoor Segmentation with Geometric Deep Learning*” tại FPT Software Hồ Chí Minh.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **Không có**.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Tôi luôn cố gắng hết mình để

- học hỏi, rèn luyện, phát triển kỹ năng sư phạm và nghiên cứu của bản thân;
- hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao về đào tạo và nghiên cứu khoa học;
- tích cực làm cầu nối cho sinh viên, học viên với các doanh nghiệp.

Trong suốt quá trình công tác, tôi được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tôi tự đánh giá mình đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số **04** năm (dùng tiêu chuẩn điểm bài báo khoa học gấp đôi theo qui định).
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016-2017	0	0	0	0	0	0	00/00/270
2	2017-2018	0	0	0	4	45	90	135/228/270
3 năm học cuối								
3	2018-2019	0	0	1	0	0	45	45/97.5/270
4	2019-2020	0	0	3	0	0	45	45/157.5/270
5	2020-2021	0	0	3	0	0	45	45/157.5/00

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: Áo năm 2016.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Cô Thị Ngọc Linh		v	v		07/2018 đến 12/2018	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	12/4/2019
2	Trần Thị Bích Ngọc		v	v		04/2019 đến 09/2019	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	14/5/2020
3	Phan Thị Thanh Cảnh		v	v		04/2019 đến 09/2019	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	14/5/2020
4	Siu H'Liên		v	v		04/2019 đến 09/2019	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	14/5/2020
5	Vũ Thị Liên Hương		v	v		04/2020 đến 09/2020	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	28/4/2021
6	Phan Đức Thịnh		v	v		11/2020 đến 03/2021	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Đã bảo vệ thành công ngày 25/3/2021 nhưng chưa có quyết định cấp bằng
7	Nguyễn Đình Nghĩa		v	v		11/2020 đến 03/2021	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Đã bảo vệ thành công ngày 25/3/2021 nhưng chưa có quyết định cấp bằng

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên: **Không có.**

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							

2						
...						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS					
1						
2						
...						

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1					
...					
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Some algorithms in commutative rings with applications in finding solutions of algebraic ODEs and bounds of codes	Thành viên	FOSTECT.2017.BR.02, Cơ sở	01/2018 đến 07/2019	21/9/2019, Hoàn thành
2	Some algebraic aspects of the formal power series ring and applications	Thành viên	NAFOSTED 101.04-2019.06; Cấp bộ	09/2019 đến 09/2021	Đang thực hiện
3	Indoor Segmentation with Geometric Deep Learning	Chủ nhiệm	FHO.CPD-FWI.AAA.VN-11.3.2020-PointCloud; Cơ sở	02/2020 đến 12/2020	31/12/2020, Hoàn thành

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; DT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Algebraic General Solutions of First Order Algebraic ODEs	2	v	Lecture Notes in Computer Science, Computer Algebra in Scientific Computing (CASC) / 978-3-319-24020-6	Kỷ yếu khoa học		Vol 9301, pages 479-492 (link bài báo)	12/2015
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
1	An algebraic-geometric method for computing Zolotarev polynomials	2		Proceedings of the 2017 ACM on International Symposium on Symbolic and Algebraic Computation (ISSAC) / 978-1-4503-5064-8	Kỷ yếu khoa học		pages 173-180 (link bài báo)	7/2017
2	Computation of all rational solutions of first-order algebraic ODEs	3	v	Advances in Applied Mathematics / 0196-8858	ISI (IF 0.952, Q2)		Vol 98, pages 1-24 (link bài báo)	7/2018
3	Deciding the existence of rational general solutions for first-order algebraic ODEs	3	v	Journal of Symbolic Computation / 0747-7171	ISI (IF 0.673, Q2)		Vol 87, pages 127—139 (link bài báo)	8/2018
4	Complexity of Triangular Representations of Algebraic Sets	4	v	Journal of Algebra / 0021-8693	ISI (IF 0.745, Q1)		Vol 523, pages 342-364 (link bài báo)	4/2019

5	The power series Dedekind-Mertens number	2	v	Communications in Algebra / 0092-7872	ISI (IF 0.556, Q2)		Vol 47, pages 3481-3489 (link bài báo)	9/2019
6	Applying matrix theory to classify real solvable Lie algebras having 2-dimensional derived ideals	5	v	Linear Algebra and its Applications / 0024-3795	ISI (IF 0.988, Q1)		Vol 588, pages 282-303 (link bài báo)	3/2020
7	A numerical method for fractional pantograph differential equations based on Taylor wavelets	3	v	Transactions of the Institute of Measurement and Control / 0142-3312	ISI (IF 1.649, Q2)		Vol 42, pages 1334-1344 (link bài báo)	4/2020
8	Rational solutions of first-order algebraic difference equations	2	v	Advances in Applied Mathematics / 0196-8858	ISI (IF 0.952, Q2)		Vol 117, ID 102018 (link bài báo)	6/2020
9	Rational Solutions of High-Order Algebraic Ordinary Differential Equations	2	v	Journal of Systems Science and Complexity / 1009-6124	ISI (IF 0.926, Q2)		Vol 33, pages 821-835 (link bài báo)	6/2020
10	An Effective Method for Solving Nonlinear Fractional Differential Equations	3		Engineering with Computers / 0177-0667	ISI (IF 3.938, Q1)		DOI: 10.1007/s00366-020-01143-3 Online First (link bài báo)	8/2020
11	Dedekind-Mertens lemma for power series in an arbitrary set of indeterminates	3		Vietnam Journal of Mathematics / 2305-221X	Scopus (Q2)		DOI: 10.1007/s10013-020-00466-4 Online First (link bài báo)	01/2021
12	Taylor wavelet method for	3		Engineering with Computers	ISI (IF 3.938, Q1)		Vol 37, pages 231-240	01/2021

	fractional delay differential equations			/ 0177-0667			(link bài báo)	
13	A numerical method based on fractional-order generalized Taylor wavelets for solving distributed-order fractional partial differential equations	3	v	Applied Numerical Mathematics / 0168-9274	ISI (IF 1.979, Q2)		Vol 160, pages 349-367 (link bài báo)	02/2021
14	A fractional-order generalized Taylor wavelet method for nonlinear fractional delay and nonlinear fractional pantograph differential equations	3	v	Mathematical Methods in the Applied Sciences / 1099-1476	ISI (IF 1.626, Q1)		Vol 44, pages 4156-4175 (link bài báo)	3/2021
15	Bounds for elimination of unknowns in systems of differential-algebraic equations	3		International Mathematics Research Notices / 1073-7928	ISI (IF 1.291, Q1)		DOI: 10.1093/imrn/rnaa302 Online First (link bài báo)	4/2021
16	A numerical method for solving variable-order fractional diffusion equations using fractional-order Taylor wavelets	3	v	Numerical Methods for Partial Differential Equations / 1098-2426	ISI (IF 2.236, Q1)		Vol 37, pages 2668-2686 (link bài báo)	5/2021
17	Fractional-order generalized Legendre wavelets and	3	v	International Journal of Nonlinear Sciences and Numerical	ISI (IF 1.467, Q2)		DOI: 10.1515/ijnsns-2020-0137 Online First (link bài báo)	5/2021

	their applications to fractional Riccati differential equations			Simulation / 2191-0294				
18	Legendre wavelet method for fractional delay differential equations	3	v	Applied Numerical Mathematics / 0168-9274	ISI (IF 1.979, Q2)		Vol 168, pages 127-142 (link bài báo)	10/2021

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: **17** bài.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): 01 năm 7 tháng.

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 2016-2017/135 tiết; 2018-2019/90 tiết; 2019-2020/90 tiết.

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 2016-2017/270 tiết; 2017-2018/42 tiết; 2018-2019/172.5 tiết; 2019-2020/112.5 tiết.

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

Applying matrix theory to classify real solvable Lie algebras having 2-dimensional derived ideals, Linear Algebra and its Applications, Vol 588, pages 282-303, 2020.

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Võ Ngọc Thiệu